

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện so với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	329.130	254.915	77,45	121,85
I	Thu cân đối NSNN	329.130	254.915	77,45	121,85
1	Thu Nội địa	329.130	254.915	77,45	121,85
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	469.971	337.256	71,76	68,32
I	Chi cân đối ngân sách	449.619	274.270	61,00	98,91
1	Chi đầu tư phát triển	15.691	2.333,7	14,87	3,83
2	Chi thường xuyên	425.089	271.936	63,97	125,70
3	Dự phòng ngân sách	8.839		-	-
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh	20.352	62.986	309,48	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	329.130	254.915	77,45	121,85
I	Thu nội địa	329.130	254.915	77,45	121,85
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	900	2.254	250,44	311,21
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	10.700	6.969	65,13	84,43
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	123.620	102.641	83,03	143,28
4	Thuế thu nhập cá nhân	27.080	27.185	100,39	136,22
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	35.000	30.379	86,80	140,30
7	Thu phí, lệ phí	17.400	14.830	85,23	110,88
8	Các khoản thu về nhà, đất	91.425	53.135	58,12	179,18
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.750	798	45,60	115,19
-	Thu tiền sử dụng đất	64.600	42.968	66,51	248,48
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	25.075	9.369	37,36	80,29
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	7.505	1.539	20,51	13,55
10	Thu khác ngân sách	15.500	15.983	103,12	49,04
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	211.102	180.150	85,34	138,42
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	211.102	180.150	85,34	138,42

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Cao Bằng)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý III năm 2024	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	469.971	337.256	71,76	68,32
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	449.619	274.270	61,00	98,91
I	Chi đầu tư phát triển	15.691	2.334	14,87	3,83
1	Chi đầu tư cho các dự án	6.839	1.708	24,97	2,80
2	Chi đầu tư phát triển khác	8.852	626		
II	Chi thường xuyên	425.089	271.936	63,97	125,70
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	207.037	136.509	65,93	122,86
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình	16.922	13.722	81,09	
4	Chi văn hoá thông tin	2.282	1.064	46,63	146,96
5	Chi phát thanh truyền hình	1.689	1.200	71,05	140,68
6	Chi thể dục thể thao	384	255	66,41	104,51
7	Chi bảo vệ môi trường	40.110	24.067	60,00	98,12
8	Chi hoạt động kinh tế	38.944	17.727	45,52	102,84
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	80.409	60.867	75,70	129,16
10	Chi đảm bảo xã hội	11.466	11.600	101,17	108,06
III	Dự phòng Ngân sách	8.839		0,00	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	20.352	62.986	309,48	
1	Chi các chương trình MTQG	10.352	2.730	26,38	
	Vốn đầu tư	3.567	1.677	47,00	
	Vốn sự nghiệp	6.785	1.054	15,53	
2	Chi chương trình mục tiêu nhiệm vụ	10.000	60.256	602,56	